BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HÌNH THỨC CHÍNH QUY
NGÀNH LUẬT

Hà Nội, năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 4
1.1. Giới thiệu chương trình..... 4
1.2. Thông tin chung về chương trình 4
1.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo 4
1.3.1. Mục tiêu chung: 5
1.3.2. Mục tiêu cụ thể:..... 5
1.3.3. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo với sứ mạng, tầm nhìn của Trường 5
1.4. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và phương thức tuyển sinh 6
1.4.1. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo..... 6
1.4.2. Phương thức tuyển sinh 7
PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 7
2.1. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo..... 7
2.2. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 9
PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO..... 10
3.1. Tóm tắt yêu cầu của chương trình đào tạo 10
3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT và các khối kiến thức..... 10
3.3. Khung chương trình đào tạo 11
3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra chương trình đào tạo..... 15
3.5. Sơ đồ chương trình dạy học..... 21
3.6. Mô tả nội dung theo các khối kiến thức 22
3.7. Phương pháp dạy và học..... 23
3.8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập..... 23
3.9. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ 24
3.10. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu 25
3.11. Hướng dẫn thực hiện chương trình..... 26

3.12. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình 27

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo đại học ngành Luật đào tạo cử nhân Luật có kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan đến lĩnh vực pháp luật, kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tiễn về lĩnh vực pháp luật. Trong quá trình đào tạo, người học được trang bị kỹ năng cơ bản trong thực hành luật, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin; đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng; có thể độc lập đưa ra các đề xuất nhằm giải quyết các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực pháp luật, nắm vững các kỹ năng góp phần giải quyết các tình huống phát sinh trong lĩnh vực nghề nghiệp. Bên cạnh kiến thức và kỹ năng hành nghề luật, Chương trình đào tạo cũng quan tâm bồi dưỡng về đạo đức và thái độ của các chuyên gia luật tương lai đối với xã hội và cộng đồng. Người học sau khi tốt nghiệp đại học ngành Luật hình thành và phát triển tư duy độc lập, đổi mới, sáng tạo đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

1.2. Thông tin chung về chương trình

- Tên ngành đào tạo:
  - Tiếng Việt: **CTĐT ngành Luật**
  - Tiếng Anh: **LAW**
- Mã số ngành đào tạo: **7380101**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Hình thức đào tạo: **Chính quy**
- Ngôn ngữ đào tạo: **Tiếng Việt**
- Thời gian đào tạo: **04 năm**
- Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: **125 tín chỉ**
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
  - Tiếng Việt: **Cử nhân Luật**
  - Tiếng Anh: **Bachelor of Laws**
- Đơn vị quản lý chương trình đào tạo: Khoa Lý luận chính trị
- Thời gian rà soát, điều chỉnh chương trình gần nhất: Năm 2024
- Áp dụng từ năm và khóa tuyển sinh: Năm 2026, khóa ĐH16
- Thông tin kiểm định chất lượng chương trình đào tạo: Kiểm định năm 2024

1.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.3.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo đại học ngành Luật đào tạo cử nhân Luật có chất lượng, phát triển toàn diện theo định hướng ứng dụng, có sức khỏe, có phẩm chất chính trị, đạo đức; có năng lực tự chủ và trách nhiệm, có ý thức phục vụ nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội có liên quan đến lĩnh vực pháp luật; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực pháp luật. Sau khi tốt nghiệp, người học thành thạo các kỹ năng thực hành nghề luật, vận dụng kiến thức đã được đào tạo vào thực tiễn pháp lí, thực tiễn nghề nghiệp. Bên cạnh đó, người học cũng hình thành và phát triển tư duy làm việc độc lập, đổi mới, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc và đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

1.3.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Cung cấp kiến thức cơ bản về chính trị, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất; khoa học xã hội nhân văn phù hợp với lĩnh vực pháp luật để phục vụ công tác chuyên môn, đồng thời đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng và hội nhập quốc tế;

PO2: Trang bị kiến thức thực tế chuyên sâu về đào tạo luật như Luật Hình sự; Luật Dân sự; Luật Tố tụng hình sự; Luật Tố tụng dân sự; Luật Thương mại; Luật Đất đai; Luật Môi trường; Luật Biển; Luật Tài nguyên nước; Luật Khoáng sản; Luật sư, công chứng, chứng thực; Pháp luật phòng, chống tham nhũng;…Trên cơ sở đó, người học được rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật và có khả năng áp dụng các quy định của pháp luật trong giải quyết, xử lý vấn đề, tình huống về chuyên sâu về pháp luật.

PO3: Phát triển năng lực thực hiện các kỹ năng chuyên môn về nghề luật; có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin phục vụ cho công việc và đáp ứng năng lực số hiện nay.

PO4: Hình thành năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể và phức tạp; khả năng đổi mới, sáng tạo, thực hiện các nghiên cứu khoa học để tạo ra sản phẩm, tri thức mới; có khả năng phát triển phẩm chất, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp, có ý thức rèn luyện sức khoẻ để thích nghi với môi trường làm việc trong lĩnh vực pháp luật; có tinh thần thượng tôn pháp luật, có đạo đức nghề luật, có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc.

1.3.3. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo với sứ mạng, tầm nhìn của Trường

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo	Sứ mạng	Tầm nhìn

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo	Sứ mạng	Tầm nhìn
PO1: Cung cấp kiến thức cơ bản về chính trị, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất; khoa học xã hội nhân văn phù hợp với lĩnh vực pháp luật để phục vụ công tác chuyên môn, đồng thời đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng và hội nhập quốc tế	x	
PO2: Trang bị kiến thức thực tế chuyên sâu về đào tạo luật như Luật Hình sự; Luật Dân sự; Luật Tố tụng hình sự; Luật Tố tụng dân sự; Luật Thương mại; Luật Đất đai; Luật Môi trường; Luật Biển; Luật Tài nguyên nước; Luật Khoáng sản; Luật sư, công chứng, chứng thực; Pháp luật phòng, chống tham nhũng;…Trên cơ sở đó, người học được rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật và có khả năng áp dụng các quy định của pháp luật trong giải quyết, xử lý vấn đề, tình huống về chuyên sâu về pháp luật.		x
PO3: Phát triển năng lực thực hiện các kỹ năng chuyên môn về nghề luật; có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin phục vụ cho công việc và đáp ứng năng lực số hiện nay.	x	
PO4: Hình thành năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể và phức tạp; có ý thức rèn luyện sức khoẻ, khả năng đổi mới, sáng tạo, thực hiện các nghiên cứu khoa học để tạo ra sản phẩm, tri thức mới; có khả năng phát triển phẩm chất, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp để thích nghi với môi trường làm việc trong lĩnh vực pháp luật; có tinh thần thượng tôn pháp luật, có đạo đức nghề luật, có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc.		x

1.4. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và phương thức tuyển sinh

1.4.1. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Người học chương trình đào tạo ngành luật trình độ đại học phải đáp ứng các yêu cầu:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;

- Tổng điểm xét tuyển tối thiểu đạt 60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm.

- Nhà trường quy định chuẩn đầu vào dựa trên các kỳ thi, xét tuyển và các hình thức đánh giá khác, hoặc những yêu cầu cụ thể về kiến thức, năng lực, phẩm chất, kinh nghiệm đối với người học từng chương trình đào tạo, nhưng phải bảo đảm đánh giá được kiến thức Toán và Ngữ văn, hoặc Toán, hoặc Ngữ văn và đạt tối thiểu là 60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm.

Người dự tuyển vào ngành luật trình độ đại học đều phải đáp ứng các điều kiện trên đây, trừ trường hợp những người dự tuyển đã có bằng đại học được miễn các yêu cầu này.

1.4.2. Phương thức tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ký hiệu CĐR	Ký hiệu chỉ số đánh giá CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1. Chuẩn đầu ra về kiến thức			
PLO1	Áp dụng các kiến thức khoa học xã hội, công nghệ, chính trị, pháp lý, lịch sử, văn hóa, truyền thống dân tộc và khả năng tư duy về các vấn đề đương đại trong tình hình thực tế		**3/6**
	PI1.1	Áp dụng hệ thống kiến thức khoa học xã hội, công nghệ, lịch sử, văn hóa, truyền thống dân tộc vào việc giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực pháp luật	50%
	PI1.2	Vận dụng kiến thức về chính trị pháp lý và khả năng tư duy về các vấn đề đương đại trong tình hình thực tế	50%
PLO2	Phân tích những kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tiễn cơ bản về lĩnh vực pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trong lĩnh vực nghề nghiệp		**4/6**
	PI2.1	Hệ thống hóa những kiến thức lý thuyết toàn diện về Luật Hiến pháp, Quyền con người, nghề luật và đạo đức nghề luật, lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật để nghiên cứu các vấn đề pháp lý.	40%
	PI2.2	Xây dựng mối liên hệ về các kiến thức thực tiễn giữa các nhóm kiến thức Luật Hành chính, Luật Kinh tế, Luật Quốc tế, Luật Dân sự, Luật Hình sự…để giải quyết tình huống phát sinh trong lĩnh vực nghề nghiệp	60%
2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng			
PLO3	Chuẩn hóa kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý		**3/5**
	PI3.1	Kết hợp các kỹ năng cơ bản về nghề luật như kỹ năng nghe, đọc, viết, giao tiếp và tương tác thân thiện, hiệu quả; kỹ năng diễn đạt, trình bày bằng lời nói hoặc văn bản... trong lĩnh vực pháp luật để giải quyết các vấn đề mang tính chất pháp lý.	50%
	PI3.2	Thể hiện chuẩn xác các kỹ năng tóm tắt, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin, quy định pháp luật.	50%
PLO4	Sử dụng các kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật nhằm phát hiện và giải quyết các vấn đề pháp lý trong hoạt động nghề nghiệp.		**3/5**

Ký hiệu CĐR	Ký hiệu chỉ số đánh giá CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
	PI4.1	Thể hiện chuẩn xác các kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy, kỹ năng phản biện, bảo vệ quan điểm, giải pháp pháp lý để giải quyết các vấn đề pháp lý.	50%
	PI4.2	Thể hiện các kỹ năng soạn thảo văn bản pháp lý để giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động nghề nghiệp.	50%
PLO5	Thành thạo các kỹ năng đàm phán, tư vấn pháp luật, soạn thảo hợp đồng, ký kết hợp đồng, … để xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp		**4/5**
	PI5.1	Kết hợp thành thạo kỹ năng đàm phán và tư vấn pháp luật nhằm xử lý các vấn đề phát sinh trong hoạt động nghề nghiệp.	60%
	PI5.2	Phát triển kỹ năng soạn thảo và ký kết hợp đồng một cách chính xác, phù hợp pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn nghề nghiệp.	40%
PLO6	Phát triển năng lực ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào việc lập kế hoạch, định hướng, quy trình nghiệp vụ và kết luận liên quan đến lĩnh vực pháp lý thông qua các mô hình giả định và hoạt động thực tế tại các cơ quan chuyên môn		**4/5**
	PI6.1	Phát triển kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin để lập kế hoạch, định hướng và xây dựng quy trình nghiệp vụ trong lĩnh vực pháp lý.	60%
	PI6.2	Thực hiện các thao tác nghiệp vụ trong môi trường số một cách thuần thục	40%
3. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm			
PLO7	Thể hiện lòng trung thành với Tổ quốc, có ý thức chính trị, tư tưởng vững vàng; tuân thủ pháp luật và nội quy của tổ chức; có tinh thần thượng tôn pháp luật; ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người; đảm bảo các chuẩn mực đạo đức nghề luật và có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc		**3/5**
	PI7.1	Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và nội quy của tổ chức nơi đang học tập, làm việc; ủng hộ đổi mới; có ý thức chính trị tư tưởng vững vàng.	50%
	PI7.2	Đề cao tinh thần thượng tôn pháp luật, có đạo đức nghề luật; bảo vệ công lý và quyền con người, ý thức trách nhiệm trong công việc và đối với nhân dân, cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc	50%
PLO8	Thực hiện hoạt động làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, có khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng một cách tự chủ và có trách nhiệm trong lĩnh vực pháp luật; có thái độ trung thực, liêm chính, cẩn trọng, cầu thị, thấu hiểu; dám chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm, có khả năng hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ nhằm thích ứng với môi trường nghề luật trong bối cảnh thay đổi.		**4/5**

Ký hiệu CĐR	Ký hiệu chỉ số đánh giá CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
	PI8.1	Kết hợp kỹ năng làm việc độc lập và kỹ năng làm việc nhóm; thái độ vận dụng kiến thức, kỹ năng một cách tự chủ, và có trách nhiệm trong lĩnh vực pháp luật.	60%
	PI8.2	Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; trung thực, liêm chính, cẩn trọng, cầu thị, thấu hiểu; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ và thích ứng với môi trường nghề luật trong bối cảnh thay đổi.	40%

Ghi chú:

1. Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5).

2. Riêng chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học áp dụng chung đối với sinh viên trình độ đại học được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà trường.

2.2. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra của CTĐT		Mục tiêu của CTĐT			
		PO1	PO2	PO3	PO4
Kiến thức	PLO1	x			
	PLO2	x	x	x	
Kỹ năng	PLO3			x	
	PLO4			x	x
	PLO5			x	
	PLO6			x	x
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	PLO7				x
	PLO8				x

2.3. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Công tác trong các cơ quan chính quyền các cấp gồm các Cơ quan Trung ương và cơ quan địa phương như: các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Hội đồng nhân dân các cấp; Ủy ban nhân dân các cấp; các Sở, ban ngành địa phương; các cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến xây dựng chế độ, chính sách pháp luật, các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, các bộ phận phụ trách tổ chức nhân sự trong các cơ quan tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, tài chính, đất đai, môi trường...;

- Trong các cơ quan tư pháp như Tòa án nhân dân; Viện kiểm sát nhân dân; Cơ quan thi hành án;

- Trong các tổ chức tư vấn dịch vụ pháp lý: Văn phòng Luật sư; Công ty Luật; Văn phòng Công chứng; Văn phòng Thừa phát lại...;

- Công tác tại các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội: các cơ quan Đảng các cấp và tổ chức chính trị xã hội, …;

- Làm việc trong các doanh nghiệp với vai trò tư vấn pháp lý;

- Đảm nhận công tác giảng dạy: tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo, các Viện nghiên cứu, giảng dạy về pháp luật trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học phổ thông;

- Đặc biệt đảm nhiệm công tác pháp chế, công tác quản lý hành chính nhà nước trong các cơ quan, đơn vị các cấp thuộc các lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Cử nhân ngành Luật có khả năng tự tìm tòi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp;

- Cử nhân ngành Luật có thể học liên thông sang các ngành đạo tạo khác ở trình độ đại học;

- Cử nhân ngành Luật có điều kiện để tham gia học tập các khóa đào tạo các chức danh tư pháp (như Thẩm phán, Công chứng viên, Chấp hành viên, Luật sư,…); các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghề nghiệp tại các cơ sở đào tạo nghề luật;

- Cử nhân ngành Luật có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu bậc sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Tóm tắt yêu cầu của chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương	**32**	**30**	**02**
2	Kiến thức cơ sở ngành	**18**	**16**	**02**
3	Kiến thức cốt lõi ngành	**65**	**56**	**09**
4	Khóa luận tốt nghiệp	**10**	**10**	**0**
	Tổng	**125**	**112**	**13**

Ghi chú: Chương trình trên chưa bao gồm các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh.

3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT và các khối kiến thức

KHỐI KIẾN THỨC	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT							
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
- Kiến thức giáo dục đại cương	1	1	1	-	1	-	1	1
- Kiến thức cơ sở ngành	2	2	2	1	1	2	2	1
- Kiến thức cốt lõi ngành	3	3	2	2	2	3	3	2
- Khóa luận tốt nghiệp	3	3	3	3	2	2	3	2

Ghi chú: Mức đóng góp: (1) Giới thiệu năng lực; (2) Củng cố năng lực; (3) Làm chủ năng lực[1].

3.3. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
I	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**		**32**	**400**	**160**	**1120**	
1.1	**Kiến thức lý luận chính trị, giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh**		**11**	**165**	**0**	**385**	
1	LCML101	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	105	
2	LCML102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	70	
3	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	70	
4	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	70	
5	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	70	
		Giáo dục thể chất	-				
		Giáo dục quốc phòng - an ninh	-				
1.2	**Kiến thức xã hội**		**13**	**150**	**90**	**455**	
1.2.1	***Bắt buộc***		**11**	**120**	**90**	**385**	
6	KĐHH108	Kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường số	3	30	30	105	
7	LCPL165	Kỹ năng xử lý và giải quyết tình huống pháp lý	2	15	30	70	

[1] *Lựa chọn mức đóng góp phù hợp, trong đó:*
1- Học phần có vai trò "Giới thiệu năng lực": Học phần bắt đầu giới thiệu khái niệm, kiến thức hoặc kỹ năng liên quan đến các PI/PLO đóng góp. Người học ở mức độ làm quen, nhận diện => Tthường nằm ở phần đại cương, cơ sở ngành.
2- Học phần có vai trò "Củng cố năng lực": học phần giúp củng cố, mở rộng và đào sâu các kiến thức/ kỹ năng đã được học trước đó gắn với năng lực được xác lập tại các PI/PLO đóng góp. Người học bắt đầu vận dụng được vào các tình huống cụ thể => Thường nằm ở các học phần cơ sở ngành.
3- Học phần có vai trò "Làm chủ năng lực": học phần yêu cầu người học phải đạt được sự thuần thục, có khả năng phân tích, đánh giá dựa trên năng lực của các PI/PLO đóng góp => Thưởng nằm ở các học phần chuyên sâu hoặc đồ án

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
8	LCPL169	Kỹ năng hành nghề luật	2	15	30	70	
9	LCML104	Lôgic học	2	30	0	70	
10	LCPL187	Pháp luật về quyền con người	2	30	0	70	
1.2.2	***Tự chọn (chọn 2/6 TC)***		**2**	30	0	70	
11	MTQM102	Môi trường và phát triển	2	30	0	70	
12	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	2	30	0	70	
13	MTQM104	Tăng trưởng xanh và bền vững	2	30	0	70	
1.3	**Kiến thức công nghệ thông tin, ngoại ngữ**		**8**	**85**	**70**	**280**	
14	CTKU101	Tin học đại cương	2	15	30	70	
15	NNTA164	Tiếng Anh 1	3	35	20	105	
16	NNTA165	Tiếng Anh 2	3	35	20	105	
II	**KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CỐT LÕI NGÀNH**		**83**	**675**	**1140**	**2905**	
2.1	**Kiến thức cơ sở ngành**		**18**	**255**	**30**	**630**	
2.1.1	***Bắt buộc***		**16**	**225**	**30**	**560**	
17	LCPL102	Lý luận Nhà nước và Pháp luật	5	75	0	175	
18	LCPL166	Lịch sử Nhà nước, Pháp luật và các học thuyết chính trị - pháp lý	2	30	0	70	
19	LCPL108	Luật Hiến pháp	3	45	0	105	
20	LCPL167	Nghề luật và đạo đức nghề luật	2	30	0	70	
21	LCPL168	Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật	2	15	30	70	
22	NNTA150	Tiếng Anh chuyên ngành	2	30	0	70	
2.1.2	***Tự chọn (chọn 2/4 TC)***		**2**	**30**	**0**	**70**	
23	LCPL170	Luật Kinh doanh bất động sản	2	30	0	70	
24	*LCPL171*	*Luật học so sánh*	*2*	*30*	*0*	*70*	
2.2	**Kiến thức cốt lõi ngành**		**65**	**420**	**1110**	**2275**	
2.2.1	***Bắt buộc***		**56**	**375**	**930**	**1960**	
i	***Nhóm kiến thức về hiến pháp, pháp luật hành chính***		***4***	***30***	***60***	***140***	
25	LCPL172	Luật Hành chính	2	15	30	70	
26	LCPL173	Luật Tố tụng hành chính	2	15	30	70	
ii	***Nhóm kiến thức về pháp luật hình sự, tố tụng hình sự***		***8***	***60***	***120***	***280***	
27	LCPL174	Luật Hình sự 1	2	15	30	70	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
28	LCPL175	Luật Hình sự 2	2	15	30	70	LCPL174
29	LCPL188	Luật Tố tụng hình sự	2	15	30	70	LCPL174 LCPL175
30	LCPL186	Tội phạm học	2	15	30	70	
iii	***Nhóm kiến thức về pháp luật dân sự, tố tụng dân sự***		***8***	***60***	***120***	***280***	
31	LCPL176	Luật Dân sự 1	2	15	30	70	
32	LCPL177	Luật Dân sự 2	2	15	30	70	LCPL176
33	LCPL189	Luật Tố tụng dân sự	2	15	30	70	LCPL176 LCPL177
34	LCPL154	Luật Hôn nhân và gia đình	2	15	30	70	
iv	***Nhóm kiến thức về pháp luật kinh tế***		***11***	***90***	***150***	***385***	
35	LCPL178	Luật Thương mại 1	2	15	30	70	
36	LCPL179	Luật Thương mại 2*	2	15	30	70	LCPL178
37	LCPL183	Luật Lao động	2	15	30	70	
38	LCPL185	Luật Tài chính ngân hàng*	2	15	30	70	
39	LCPL123	Luật Đất đai	3	30	30	105	
v	***Nhóm kiến thức về pháp luật quốc tế***		***5***	***45***	***60***	***175***	
40	LCPL126	Công pháp quốc tế	3	30	30	105	
41	LCPL182	Tư pháp quốc tế	2	15	30	70	
vi	***Học phần mang tính đặc thù của ngành đào tạo***		***20***	***90***	***420***	***700***	
42	LCPL119	Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	15	30	70	
43	LCPL180	Luật Khoáng sản*	2	15	30	70	
44	LCPL124	Luật Môi trường	3	30	30	105	
45	LCPL181	Luật Tài nguyên nước	2	15	30	70	
46	LCPL184	Kỹ thuật xây dựng văn bản pháp luật	2	15	30	70	
47	LCPL159	Kiến tập làm quen với các cơ quan, đơn vị nghề luật**	3	0	90	105	
48	LCPL160	Kiến tập công việc cơ bản về nghề luật**	3	0	90	105	
49	LCPL161	Kiến tập công việc chuyên môn về nghề luật**	3	0	90	105	
2.2.2	***Tự chọn (chọn 09/15 TC)***		**9**	**45**	**180**	**315**	
50	LCPL139	Luật Xây dựng và nhà ở	3	15	60	105	
51	LCPL134	Luật Thuế	3	15	60	105	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
52	*LCPL158*	*Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường*	*3*	*15*	*60*	105	
53	*LCPL132*	*Luật sư, công chứng, chứng thực*	*3*	*15*	*60*	105	
54	*LCPL156*	*Luật Biển*	*3*	*15*	*60*	105	
55	LCPL135	Pháp luật Bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất	3	15	60	105	
2.3	**Khóa luận tốt nghiệp**		**10**	**0**	**300**	**350**	
56	LCPL162	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	300	350	
	TỔNG		**125**	**1075**	**1600**	**4375**	

Ghi chú: 1. Các học phần dự kiến giảng dạy bằng tiếng Anh (*);

2. Các học phần thực tập, trải nghiệm (**).

3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																
					Kiến thức				Kỹ năng								Năng lực tự chủ và trách nhiệm				Tổng
					PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		
					PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	
I	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**		**32**																		
1.1	**Kiến thức lý luận chính trị, giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh**		**11**																		
1	LCML101	Triết học Mác - Lênin	3	1	3	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	**3**
2	LCML102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	3	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	**3**
3	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	3	3	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	**3**
4	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	4	2	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	**3**
5	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	5	2	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	**3**
		Giáo dục thể chất	-																		
		Giáo dục quốc phòng - an ninh	-																		
1.2	**Kiến thức xã hội**		**13**																		
1.2.1	***Bắt buộc***		***11***																		
6	KĐHH108	Kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường số	3	2	-	-	1	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	1	**3**
7	LCPL165	Kỹ năng xử lý và giải quyết tình huống pháp lý	2	4	-	1	-	-	-	3	2	-	-	-	-	-	-	-	2	-	**4**

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																Tổng
					Kiến thức				Kỹ năng								Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
					PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		
					PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	
8	LCPL169	Kỹ năng hành nghề luật	2	5	-	-	1	-	-	3	2	-	-	-	-	-	-	-	2	-	**4**
9	LCML104	Lôgic học	2	2	2	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	**3**
10	LCPL187	Pháp luật về quyền con người	2	2	-	2	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	**3**
1.2.2	**Tự chọn (chọn 2/6 TC)**		2																		
11	MTQM102	Môi trường và phát triển	2	2	2	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	**3**
12	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	2	2	-	-	2	-	-	-	-	-	2	-	-	-	1	-	-	-	**3**
13	MTQM104	Tăng trưởng xanh và bền vững	2	2	2	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	1	**3**
1.3	**Kiến thức công nghệ thông tin, ngoại ngữ**		8																		
14	CTKU101	Tin học đại cương	2	1	2	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	**3**
15	NNTA164	Tiếng Anh 1	3	1	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	**3**
16	NNTA165	Tiếng Anh 2	3	2	2	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	**3**
II	**KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CỐT LÕI NGÀNH**		93																		
2.1	**Kiến thức cơ sở ngành**		18																		
2.1.1	***Bắt buộc***		16																		
17	LCPL102	Lý luận Nhà nước và Pháp luật	5	1	-	3	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	2	-	-	**3**

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT															
					Kiến thức				Kỹ năng								Năng lực tự chủ và trách nhiệm				Tổng
					PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		
					PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	
18	LCPL166	Lịch sử Nhà nước, Pháp luật và các học thuyết chính trị - pháp lý	2	2	-	2	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	**3**
19	LCPL108	Luật Hiến pháp	3	2	-	-	3	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	2	-	-	**3**
20	LCPL167	Nghề luật và đạo đức nghề luật	2	2	-	-	2	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	2	-	-	**3**
21	LCPL168	Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật	2	4	-	-	2	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	**3**
22	NNTA150	Tiếng Anh chuyên ngành	2	3	2	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	**3**
2.1.2	***Tự chọn (chọn 2/4 TC)***		2																		
23	LCPL170	Luật Kinh doanh bất động sản	2	3	-	1	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	1	-	**3**
24	LCPL171	Luật học so sánh	2	3	-	1	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	1	-	**3**
2.2	**Kiến thức cốt lõi ngành**		65																		
2.2.1	***Bắt buộc***		56																		
i	*Nhóm kiến thức về hiến pháp, pháp luật hành chính*		4																		
25	LCPL172	Luật Hành chính	2	3	-	-	-	3	-	-	2	-	-	-	-	-	3	-	-	-	**3**
26	LCPL173	Luật Tố tụng hành chính	2	4	-	-	-	1	-	-	3	-	-	-	3	-	-	-	-	3	**4**

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																
					Kiến thức				Kỹ năng								Năng lực tự chủ và trách nhiệm				Tổng
					PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		
					PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	
ii	*Nhóm kiến thức về pháp luật hình sự, tố tụng hình sự*		8																		
27	LCPL174	Luật Hình sự 1	2	3	-	-	-	2	2	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	**3**
28	LCPL175	Luật Hình sự 2	2	4	-	-	-	3	-	-	2	-	-	-	-	-	3	-	-	-	**3**
29	LCPL188	Luật Tố tụng hình sự	2	5	-	-	-	1	-	-	3	-	-	-	3	-	-	-	-	2	**4**
30	LCPL186	Tội phạm học	2	6	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	3	-	**3**
iii	*Nhóm kiến thức về pháp luật dân sự, tố tụng dân sự*		8																		
31	LCPL176	Luật Dân sự 1	2	3	-	-	-	2	2	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	**3**
32	LCPL177	Luật Dân sự 2	2	4	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	2	3	-	-	-	**3**
33	LCPL189	Luật Tố tụng dân sự	2	5	-	-	-	1	-	-	3	-	-	-	3	-	-	-	-	2	**4**
34	LCPL154	Luật Hôn nhân và gia đình	2	6	2	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	1	-	-	-	1	**4**
iv	*Nhóm kiến thức về pháp luật kinh tế*		11																		
35	LCPL178	Luật Thương mại 1	2	3	-	-	-	2	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	**3**
36	LCPL179	Luật Thương mại 2*	2	4	-	-	-	3	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	**3**
37	LCPL183	Luật Lao động	2	5	-	-	-	2	-	-	-	-	2	3	-	-	3	-	-	-	**4**
38	LCPL185	Luật Tài chính ngân hàng*	2	7	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	1	3	-	-	-	**3**
39	LCPL123	Luật Đất đai	3	6	-	-	-	3	-	-	3	-	-	-	-	-	3	-	-	-	**3**
v	*Nhóm kiến thức về pháp luật quốc tế*		5																		
40	LCPL126	Công pháp quốc tế	3	4	-	-	-	2	1	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	**3**
41	LCPL182	Tư pháp quốc tế	2	6	-	-	-	2	1	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	**3**

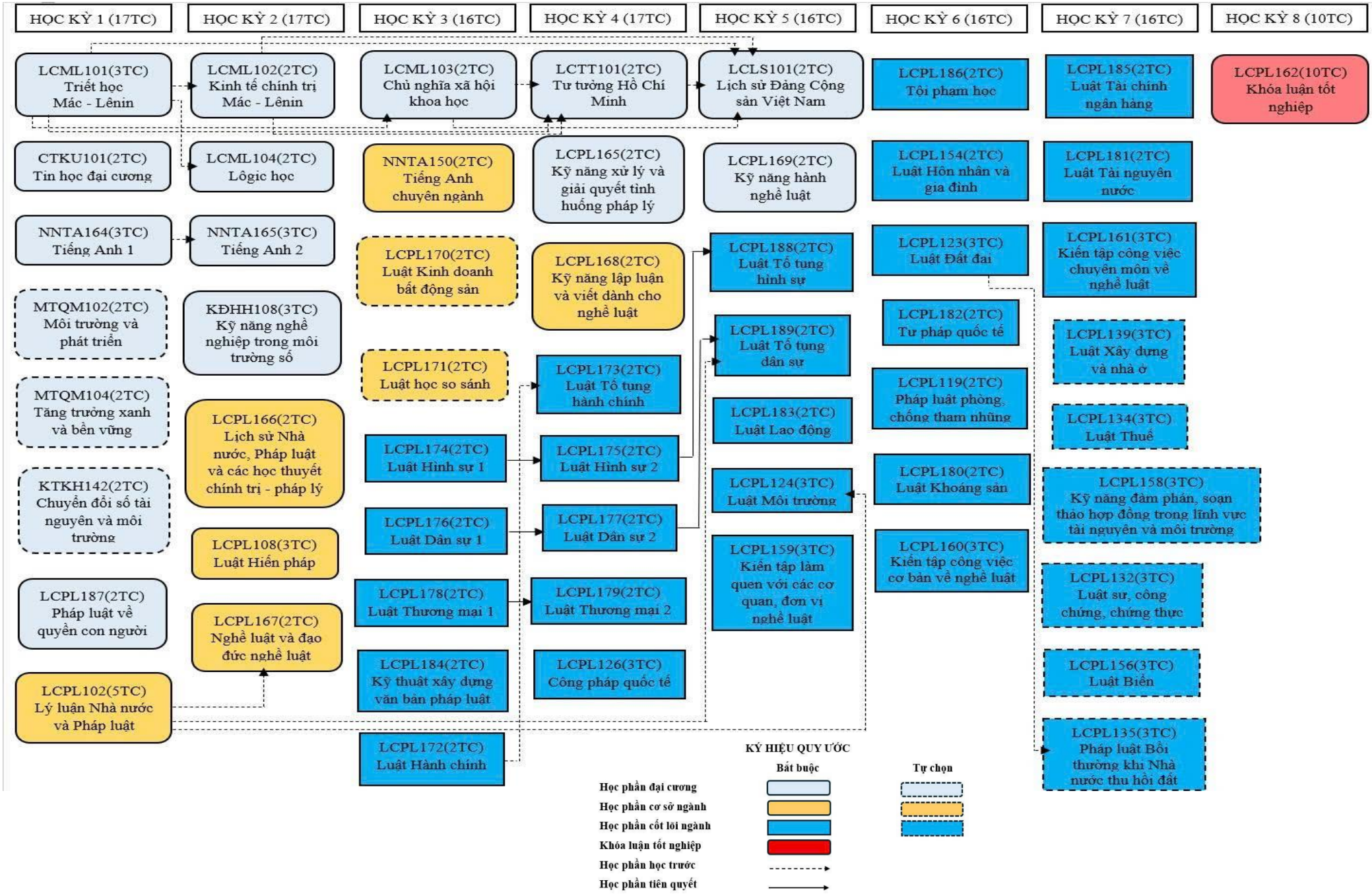
STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																Tổng
					Kiến thức				Kỹ năng								Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
					PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		
					PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	
vi	*Học phần mang tính đặc thù của ngành đào tạo*		20																		
42	LCPL119	Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	6	-	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	**3**
43	LCPL180	Luật Khoáng sản*	2	6	2	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	**3**
44	LCPL124	Luật Môi trường	3	5	-	-	-	3	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	**3**
45	LCPL181	Luật Tài nguyên nước	2	7	2	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	**3**
46	LCPL184	Kỹ thuật xây dựng văn bản pháp luật	2	3	-	-	-	2	-	-	-	2	-	1	-	-	-		2	-	**4**
47	LCPL159	Kiến tập làm quen với các cơ quan, đơn vị nghề luật	3	5	1	-	-	-	-	-	-	3	-	-	2	-	2	-	-	2	**5**
48	LCPL160	Kiến tập công việc cơ bản về nghề luật	3	6	-	2	-	-	-	-	-	-	3	2	-	2	-	-	-	2	**5**
49	LCPL161	Kiến tập công việc chuyên môn về nghề luật	3	7	-	-	2	-	-	-	-	-	3	3	-	3	-	-	-	3	**5**
2.2.2	***Tự chọn (chọn 09/15 TC)***		9																		
50	LCPL139	Luật Xây dựng và nhà ở	3	7	-	2	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	**3**
51	LCPL134	Luật Thuế	3	7	-	2	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	**3**
52	LCPL158	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng	3	7	-	-	-	1	-	-	-	3	-	3	-	-	-	-	-	2	**4**

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT														
					Kiến thức				Kỹ năng								Năng lực tự chủ và trách nhiệm				Tổng
					PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		
					PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	
		trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường																			
53	LCPL132	Luật sư, công chứng, chứng thực	3	7	-	-	2	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	**3**
54	LCPL156	Luật Biển	3	7	-	-	-	2	1	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	**3**
55	LCPL135	Pháp luật Bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất	3	7	1	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	3	-	-	**3**
2.3	**Khóa luận tốt nghiệp**		10																		
56	LCPL162	Khóa luận tốt nghiệp	10	8	-	-	-	3	3	-	-	3	3	-	-	3	-	3	-	-	**5**
Tổng			**125**		**18**	**10**	**8**	**20**	**16**	**9**	**19**	**5**	**8**	**5**	**5**	**6**	**22**	**12**	**12**	**11**	
Trong đó[1]: Các học phần đóng mức 3					**3**	**1**	**1**	**7**	**2**	**2**	**5**	**3**	**4**	**3**	**3**	**2**	**6**	**0**	**6**	**2**	
Các học phần đóng góp mức 2					**12**	**5**	**5**	**9**	**6**	**0**	**5**	**1**	**2**	**1**	**1**	**2**	**4**	**4**	**4**	**5**	
Các học phần đóng góp mức 1					**3**	**4**	**2**	**4**	**8**	**2**	**9**	**1**	**2**	**1**	**1**	**2**	**8**	**2**	**2**	**4**	

Ghi chú[1]: Mức đóng góp: (1) Giới thiệu năng lực; (2) Củng cố năng lực; (3) Làm chủ năng lực.

[1] *Lựa chọn mức đóng góp phù hợp, trong đó:*
1- Học phần có vai trò "Giới thiệu năng lực": Học phần bắt đầu giới thiệu khái niệm, kiến thức hoặc kỹ năng liên quan đến các PI /PLO đóng góp. Người học ở mức độ làm quen, nhận diện => Tthường nằm ở phần đại cương, cơ sở ngành.
2- Học phần có vai trò "Củng cố năng lực": học phần giúp củng cố, mở rộng và đào sâu các kiến thức/ kỹ năng đã được học trước đó gắn với năng lực được xác lập tại các PI/PLO đóng góp. Người học bắt đầu vận dụng được vào các tình huống cụ thể => Thường nằm ở các học phần cơ sở ngành.
3- Học phần có vai trò "Làm chủ năng lực": học phần yêu cầu người học phải đạt được sự thuần thục, có khả năng phân tích, đánh giá dựa trên năng lực của các PI/PLO đóng góp => Thưởng nằm ở các học phần chuyên sâu hoặc đồ án

3.5. Sơ đồ chương trình dạy học



3.6. Mô tả nội dung theo các khối kiến thức

1. Kiến thức giáo dục đại cương (32 TC)

Khối kiến thức Giáo dục đại cương trang bị cho người học kiến thức cơ bản về lý luận chính trị; Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định chung, ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kiến thức nền tảng về kinh tế, xã hội và môi trường nhằm giúp người học phát triển bản thân, hình thành các kỹ năng cơ bản, sẵn sàng tiếp cận phần khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức cốt lõi ngành. Khối kiến thức này bao gồm 32 tín chỉ, trong đó 30 tín chỉ bắt buộc, 02 tín chỉ tự chọn, gồm các kiến thức lý luận chính trị; kiến thức xã hội; kiến thức công nghệ thông tin, ngoại ngữ.

2. Kiến thức cơ sở ngành (18 TC)

Khối kiến thức cơ sở ngành trang bị cho người học kiến thức cơ sở để giúp người học hiểu các kiến thức cơ sở làm nền tảng tiếp cận phần khối kiến thức cốt lõi ngành. Khối kiến thức cơ sở ngành bao gồm các kiến thức, kỹ năng về Lý luận Nhà nước và Pháp luật, Lịch sử Nhà nước, Pháp luật và các học thuyết chính trị - pháp lý, Luật Hiến pháp, Nghề luật và đạo đức nghề luật, Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật, Luật học so sánh,… Khối kiến thức cơ sở ngành bao gồm 18 tín chỉ, trong đó 16 tín chỉ bắt buộc, 02 tín chỉ tự chọn.

3. Kiến thức cốt lõi ngành (65 TC)

Khối kiến thức cốt lõi ngành bao gồm 65 tín chỉ, trong đó 56 tín chỉ bắt buộc, 09 tín chỉ tự chọn. Đây là khối kiến thức trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, hình thành các kỹ năng. cơ bản để thực hành nghề luật để giải quyết các vấn đề pháp lý trong hoạt động nghề nghiệp. Các học phần của khối kiến thức này gồm: Luật Hành chính, Luật Tố tụng hành chính; Luật Hình sự 1; Luật Hình sự 2; Luật Tố tụng hình sự; Luật Dân sự 1; Luật Dân sự 2; Luật Tố tụng dân sự; Luật Thương mại 1; Luật Thương mại 2; Kỹ năng hành nghề luật; Kỹ năng xử lý và giải quyết tình huống pháp lý; Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Luật biển; Luật sư, công chứng, chứng thực; Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Tài chính ngân hàng, Kiến tập làm quen với các cơ quan, đơn vị nghề luật; Kiến tập công việc cơ bản về nghề luật; Kiến tập công việc chuyên môn về nghề luật; Luật Đất đai; Luật Môi trường; Luật Khoáng sản; Luật Tài nguyên nước; Luật Xây dựng và nhà ở; Pháp luật Bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; Luật Kinh doanh bất động sản…

4. Kiến thức khóa luận tốt nghiệp (10 TC)

Khoá luận tốt nghiệp giúp người học trải nghiệm thực tế, tổng hợp kiến thức, vận dụng kiến thức, phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề pháp luật. Khoá luận tốt nghiệp giúp sinh viên tổng hợp, vận dụng kiến thức đã học và những kiến thức thực tế trong các lĩnh vực pháp luật để thực tập tại cơ sở thực tập và nghiên cứu một đề tài và viết báo cáo kết quả nghiên cứu của đề tài đó theo đề cương nghiên cứu và đạt được những mục tiêu đã đặt ra đối với đề tài.

3.7. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy phù hợp với mục tiêu, nội dung và chuẩn đầu ra của học phần; tích hợp kiến thức lý thuyết, thực tiễn và kỹ năng, tăng cường tính thực tiễn, định hướng hiệu quả để người học đạt được mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần.

Phương pháp giảng dạy từng học phần được thể hiện cụ thể trong đề cương chi tiết, bao gồm chủ yếu các phương pháp sau: phương pháp thuyết giảng; phương pháp thảo luận; phương pháp tranh biện; phương pháp tình huống; phương pháp thực hành diễn án; phương pháp làm việc nhóm; phương pháp trải nghiệm thực tế; phương pháp bình luận bản án…

Phương pháp học của người học/hoạt động chính của người học bao gồm các phương pháp sau: phương pháp thảo luận, phương pháp tranh biện, phương pháp học tập dựa trên vấn đề, phương pháp câu hỏi gợi mở, phương pháp trải nghiệm thực tế,… Ngoài ra, trong ĐCCT cũng thiết kế các giờ tự học để giúp sinh viên hình thành thói quen nắm bắt và tự cập nhật kiến thức, chuẩn bị nền tảng cho các hoạt động tương tác trên lớp.

3.8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

a) Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần và chương trình đào tạo. Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, xác định mức độ đạt được của người học theo các cấp độ quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần; đánh giá không chỉ tập trung vào kiến thức mà còn đánh giá được năng lực thông qua thực hành, giải quyết vấn đề thực tế, kỹ năng, thái độ của người học.

b) Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và kết quả đánh giá kết thúc học phần; làm cơ sở để điều chỉnh hoạt động dạy - học, ghi nhận và thúc đẩy sự tiến bộ của người học, cải tiến và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

c) Các phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần, đặc điểm học phần, phương pháp giảng dạy, bảo đảm tính đa dạng, độ tin cậy và sự công bằng.

d) Các thành phần đánh giá được công khai và có tỷ lệ phù hợp, bao gồm đánh giá quá trình và đánh giá tích lũy kiến thức; có thể bổ sung các phương pháp đánh giá mới nếu thấy phù hợp; khuyến khích người học tích lũy kiến thức thông qua tự nghiên cứu bằng cách cho phép quy đổi một tỷ lệ nhất định các công trình khoa học thành điểm cộng đối với môn học tương ứng.

Các thành phần đánh giá bao gồm:

- Đánh giá quá trình: có thể dưới hình thức đánh giá ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập), đánh giá bài tập cá nhân, bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ.
- Đánh giá tích lũy kiến thức: có thể dưới hình thức thi kết thúc học phần hoặc các

hình thức đánh giá kết thúc học phần khác.

Tỷ trọng của đánh giá ý thức học tập, đánh giá bài tập cá nhân/bài tập nhóm/bài tập giữa kỳ và đánh giá kết thúc học phần do các cơ sở đào tạo xác định.

Từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo hiện hành.

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến chương trình đào tạo và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

- Phương pháp đánh giá quá trình: Chương trình đào tạo ngành Luật được thiết kế và tổ chức đào tạo áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, trong đó trọng tâm là lấy người học làm trung tâm; Hướng dẫn cho người học biết cách tự quản lý, rèn luyện, học tập và nghiên cứu để người học đạt được mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra sau khi tốt nghiệp. Chương trình thường xuyên cập nhật và điều chỉnh các phương pháp dạy và hình thức tổ chức dạy học thông qua các văn bản hướng dẫn được ban hành hằng năm.

- Phương pháp đánh giá thi kết thúc học phần: Chương trình đào tạo ngành Luật áp dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với phương pháp dạy học và đáp ứng chuẩn đầu ra học phần. Phương pháp đánh giá thi kết thúc học phần được quy định chi tiết trong từng đề cương học phần. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên cập nhật và hướng dẫn các phương pháp kiểm tra đánh giá thông qua quy định về thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của sinh viên được ban hành hằng năm.

- Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học phần dựa trên các rubrics, ma trận đề thi đảm bảo độ tin cậy, độ chính xác và công bằng, đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần và chương trình đào tạo.

- Từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo hiện hành.

3.9. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

- Giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo có trình độ tối thiểu là thạc sĩ của ngành phù hợp với học phần giảng dạy; trợ giảng có trình độ đại học trở lên.

- Hằng năm, giảng viên công bố tối thiểu 01 (một) công trình khoa học. Giảng viên các học phần về pháp luật phải có hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật theo quy định. Giảng viên các học phần về pháp luật phải bảo đảm trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy đáp ứng một trong các điều kiện sau: (i) có tối thiểu 02 (hai) bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm trong nước được tính 0,5 điểm trở lên hoặc tạp chí nước ngoài trong danh mục tạp chí

được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước ngành Luật công nhận; (ii) là tác giả hoặc đồng tác giả 01 (một) sách chuyên khảo hoặc 01 (một) chương sách do nhà xuất bản trong nước hoặc nước ngoài phát hành.

- Có ít nhất 01 (một) tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu có kinh nghiệm quản lý đào tạo và giảng dạy đại học tối thiểu 05 (năm) năm chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT. Ngành phù hợp là ngành ghi trên bằng tiến sĩ trùng khớp hoặc rộng hơn ngành tổ chức đào tạo.

- Có ít nhất riêng 01 (một) tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp trong lĩnh vực Pháp luật để chủ trì giảng dạy mỗi nhóm kiến thức bắt buộc thuộc thành phần cốt lõi ngành của CTĐT phù hợp với chuyên môn của mình (bao gồm cả giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT); các giảng viên này có tối thiểu 03 (ba) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật.

Chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy các nhóm kiến thức được xác định như sau: nhóm kiến thức chuyên môn giảng dạy thuộc ngành ghi trên bằng tiến sĩ hoặc ghi trên phụ lục văn bằng của giảng viên chủ trì giảng dạy hoặc nếu người đó có bằng tiến sĩ ngành khác thuộc lĩnh vực Pháp luật thì phải có tối thiểu 10 (mười) năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực kiến thức chuyên môn giảng dạy đó.

- Có đủ giảng viên cơ hữu để giảng dạy tối thiểu 70% khối lượng giảng dạy trong chương trình đào tạo.

- Duy trì ít nhất 03 (ba) giảng viên thỉnh giảng là những người đang hoạt động trong lĩnh vực pháp luật, có kinh nghiệm thực tiễn chuyên sâu tối thiểu 05 (năm) năm, tham gia giảng dạy các nội dung kiến thức thực tiễn, kỹ năng trong chương trình đào tạo. Giảng viên thỉnh giảng (tính theo từng năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo. Các giảng viên thỉnh giảng không đảm nhiệm giảng dạy toàn bộ một học phần trong chương trình đào tạo, trừ các học phần đào tạo kỹ năng.

- Có đủ số lượng giảng viên để bảo đảm tỷ lệ người học trên giảng viên đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

- Có đội ngũ nhân lực hỗ trợ với số lượng, trình độ, kinh nghiệm phù hợp để tổ chức giảng dạy và hỗ trợ người học tại các khu giảng đường (vận hành các thiết bị dạy học), thư viện, trung tâm học liệu, trung tâm/phòng máy tính, không gian tự học, tự nghiên cứu của người học.

- Có đội ngũ cố vấn học tập hỗ trợ tích cực, hiệu quả cho người học, đặc biệt trong việc lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp với định hướng nghề nghiệp.

- Khuyến khích các cơ sở đào tạo có tối thiểu 01 (một) chuyên gia tư vấn tâm lý cho người học, giảng viên.

3.10. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Nhà trường bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, bao gồm:

- Có hệ thống phòng làm việc phục vụ cho hoạt động điều hành và quản lý hoạt động đào tạo có các thiết bị, phần mềm cần thiết đáp ứng yêu cầu của công việc quản lý;

- Có hệ thống giảng đường đáp ứng yêu cầu giảng lý thuyết và thảo luận, được lắp đặt đường truyền internet và có kết nối wifi;

- Có hệ thống thư viện (bao gồm cả thư viện số) đáp ứng các nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu; thư viện phải có đủ giáo trình cho từng môn học thuộc chương trình giảng dạy, với số lượng cần thiết đáp ứng nhu cầu mượn về nhà và đọc tại chỗ của người học; các tài liệu tham khảo như sách, tạp chí, đề tài khoa học, luận văn, luận án về luật học; các hồ sơ vụ việc thực tiễn, bản án... được cập nhật thường xuyên; thư viện phải được quản lý, vận hành bởi người được đào tạo chuyên môn về thư viện, có số lượng nhân viên đủ để cung cấp các dịch vụ thông tin cơ bản tới người học;

- Có các phòng máy tính phục vụ cho việc giảng dạy và học tập tin học; các phòng học phù hợp cho việc học ngoại ngữ (nếu các cơ sở đào tạo có tổ chức các học phần tương ứng);

- Có phòng diễn án có các thiết bị, dụng cụ đáp ứng yêu cầu thực hành xét xử các vụ án; có văn phòng thực hành pháp luật hoặc trung tâm tư vấn pháp luật được thiết kế phù hợp với ngành đào tạo;

- Có hệ thống phần mềm đào tạo trực tuyến theo quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo trực tuyến đối với giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hệ thống quản lý học tập bằng phần mềm cho phép kết nối giảng viên, người học và thực hiện việc cung cấp thông tin và tài nguyên học tập, đề cương của các môn học, các hoạt động học tập và tương tác;

- Có quyền truy cập và sử dụng các phần mềm cung cấp và cập nhật văn bản pháp luật Việt Nam; kết nối ít nhất một cơ sở dữ liệu nghiên cứu pháp luật nước ngoài;

- Có hệ thống quản lý học tập và quản lý đào tạo thường xuyên được cập nhật;

- Có thỏa thuận hợp tác với các cơ sở hành nghề luật để người học được trải nghiệm, thực hành, thực tập

3.11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm. Mỗi năm có 02 học kỳ chính, tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Trường đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên. Trừ học kỳ đầu tiên, các học kỳ tiếp theo sinh viên được đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.

Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc

tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung

3.12. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình

- Chương trình đào tạo ngành Luật học – Trường Đại học Luật Hà Nội.
- Chương trình đào tạo ngành Luật học – Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chương trình đào tạo ngành Luật - Trường Đại học Universiti Malaya, Singapore.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

Q. HIỆU TRƯỞNG	**KT. TRƯỞNG KHOA** **PHÓ TRƯỞNG KHOA**
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	
Huỳnh Thị Lan Hương	**TS. Trần Lệ Thu**